

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc
2. Ông Huỳnh Văn Đương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Sơn Thị Ngọc S, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tr, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2020 và các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Văn H trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2000 anh Nguyễn Văn H và chị Sơn Thị Ngọc S tự nguyện xác lập hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn luôn xảy ra bất hòa, cãi vã về tình cảm và những việc trong gia đình, trong thời gian đó anh tìm cách để vợ chồng sống hòa thuận nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, giữa anh và chị S không còn tin tưởng nhau, không ai quan tâm ai nên

năm 2007 anh bỏ đi đến nay. Do đó, anh H thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với Sơn Thị Ngọc S.

- Về nuôi con tên: Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 16/7/2002, hiện đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh H không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra, anh H không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn Sơn Thị Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết chị S có lời khai như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh H chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống giữa chị và anh H có mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã qua lại và không còn tin tưởng nhau, không hòa thuận được nên anh H bỏ đi từ năm 2007 đến nay mà không bên nào tạo điều kiện hàn gắn lại. Nay chị thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về nuôi con tên: Nguyễn Hoàng Ph 2002 đã thành niên nên chị S không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị S không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên việc chấp hành pháp luật của chị Sơn Thị Ngọc S là chưa đúng.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh H được ly hôn với chị S. Về con tên Nguyễn Hoàng Ph sinh năm 2002 đã thành niên, tài sản và số nợ phải thu phải trả các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí hôn nhân sơ thẩm buộc anh H phải nộp 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Sơn Thị Ngọc S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị S.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của anh Nguyễn Văn H khởi kiện xin ly hôn với chị Sơn Thị Ngọc S, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy giữa anh Nguyễn Văn H và chị Sơn Thị Ngọc S chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại UBND xã Kim Hòa, huyện Cầu Ngang đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của anh H và chị S là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống giữa anh H và chị S có bất đồng quan điểm về tình cảm và những việc trong gia đình, không còn tin tưởng nhau, không ai quan tâm đến ai nên anh chị sống riêng từ năm 2007 đến nay. Xét thấy, sau khi anh H và chị S không còn chung sống với nhau thì mỗi người có cuộc sống riêng, không bên nào tìm cách hòa giải hàn gắn lại, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh H và chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và chị S đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị S ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn H.

- *Về nuôi con tên*: Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 16/7/2002 hiện đã thành niên, anh H và chị S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu phải trả*: Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án anh H và chị S không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[5] Xét trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 05 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

- *Về hôn nhân:* Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Sơn Thị Ngọc S.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002566, ngày 23 tháng 7 năm 2020 do anh Hoàng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Anh H đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Anh Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Chị Sơn Thị Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa